

HTÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH B

Số: 10/2024/DS-ST

Ngày 10-4-2024

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn G

Bà Nguyễn Thị T1

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Văn P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị H- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2023/TLST - DS ngày 15/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 21/3/2024 của TAND huyện Đ, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: - Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1983.

Trú tại: Bon Bu B xã Đắk N, huyện Đắk S tỉnh Đắk N.

- Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1982.

Trú tại: Bon Bu R, xã Đắk N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông C, bà Ph:

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1996 (có mặt).

- Bà Lê Thị Hoài Q, sinh năm 1991(vắng mặt).

Cùng trú tại: Số đường Huỳnh Văn L, khu phố 3, phường Phú L, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình D.

+ Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Trú tại: Đội 3, Ấp 2, xã Đồng T, huyện Đồng Ph tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị Ph-Đại diện theo ủy quyền của ông C, bà Ph: Ông Lê Văn B, bà Lê Thị Hoài Q thống nhất trình bày:*

Vào năm 2023 bà Hoàng Thị L nhiều lần mượn tiền ông C, bà Ph, sau đó nợ

lại số tiền 4.566.000.000 đồng, có giấy xác nhận nợ. Nay ông C, bà Ph yêu cầu bà L trả số tiền còn nợ 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu này được nguyên đơn chứng minh trong đơn khởi kiện, quá trình làm việc và trong giấy xác nhận nợ đề ngày 29/6/2023.

Đối với bà L yêu cầu trả dần mỗi năm 200.000.000đồng/năm thì ông C, bà Ph không đồng ý, do bà L không có thiện chí trả, yêu cầu trả một lần số tiền còn lại nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì nữa cả.

** Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:*

Bà L thừa nhận có vay nợ của anh C và chị Ph số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) và bà L đã sử dụng vào mục đích xây dựng các C trình Mái ấm An Vũ và vào ngày 29/6/2023 bà L xác nhận lại giấy nợ nên hiện còn lại số tiền hơn 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*) nay anh C, chị Phụng yêu cầu trả tiền lại số tiền còn nợ là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), thì bà L cũng đồng ý trả số tiền theo yêu cầu là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), không tính lãi suất, do khó khăn nên bà L xin trả dần mỗi năm 200.000.000đồng/năm cho đến khi trả xong số tiền còn nợ 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), do bà L làm việc từ thiện để nuôi các cháu trẻ mồ côi chứ không có lợi ích gì cho bà L nên hiện chưa có đủ tiền để trả. Ngoài ra bà L không có ý kiến gì nữa cả.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: Do nguyên đơn khởi kiện có căn cứ và bị đơn đồng ý trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*). Đối với lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ được thẩm tra tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị Ph thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn bà Hoàng Thị L, hiện trú tại: Ấp 3, xã Đồng Tâm, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L là đúng quy định.

Đối với bà Lê Thị Hoài Q là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên nội dung ủy quyền ghi rõ nếu một trong hai người vắng mặt thì người kia vẫn có quyền quyết định theo nội dung ủy quyền, do đó việc vắng mặt bà Quyền không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà L phải trả số tiền còn nợ 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*). Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Vào năm 2023 bà L nhiều lần vay tiền của bà Ph, ông C đến ngày 29/6/2023 giữa ông C, bà Ph với bà L có xác lập hợp đồng giao dịch dân sự cụ thể: Bà L lập hợp đồng xác nhận còn nợ của ông C, bà Ph số tiền hơn 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*). Sau khi lập giấy xác nhận nợ đến nay bà L vẫn chưa trả, mặc dù ông C, bà Ph đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng vẫn không trả. Do đó ông C, bà Ph khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền còn nợ là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy nguyên đơn cung cấp giấy xác nhận bà L còn nợ lại hơn 4.000.000.000 đồng, quá trình làm việc ông C, bà L yêu cầu trả số tiền còn nợ cụ thể là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) và quá trình làm việc, hòa giải bà L cũng đồng ý trả số tiền còn nợ 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), do đó cần chấp nhận số tiền còn nợ là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), do đang gặp khó khăn nên bà L xin được trả dần mỗi năm 200.000.000 đồng/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

[7] Nguyên đơn ông C, bà Ph khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L trả số tiền gốc vay 4.566.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận và cần buộc bà L phải trả cho ông C, bà Ph số tiền còn nợ là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*). Đối với lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, bà Ph được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 117, 164, 275, 385, 401, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị Ph.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị Ph số tiền còn nợ là 4.566.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch: 112.566.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

2.2. Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Trần Thị Ph không phải chịu án phí, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ trả lại cho ông C, bà Ph số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005500 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh B;
- CC THADS H. Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh T